

Bản án số: **01/2017/KDTM-ST**  
Ngày: 08/3/2017  
*V/v: Tranh chấp về hợp đồng mua  
bán hàng hóa*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐIỆN BIÊN PHỦ, TỈNH ĐIỆN BIÊN**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông **Phan Văn Khanh**

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông **Lý A Hợi**, bà **Trần Thị Mai**

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Thanh Ngọc - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên.

Trong ngày 08 tháng 3 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 01/2016/TLST-KDTM ngày 05 tháng 12 năm 2016 về tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2017/QĐXX-ST ngày 06 tháng 02 năm 2017 (*Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2017/QĐST-KDTM, ngày 24/02/2017, do bị đơn vắng mặt*) giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà **Hà Thị T**, Giám đốc Doanh nghiệp tư nhân Ngọc H (*có mặt*).

- Địa chỉ: thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên.

2. *Bị đơn:* Ông **Dương Văn B**, Giám đốc Doanh nghiệp tư nhân VA (*có mặt*).

Địa chỉ: thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên.

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

Bà Hà Thị T – Giám đốc, Doanh nghiệp tư nhân Ngọc H khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Điện Biên Phủ tỉnh Điện Biên buộc ông Dương Văn B – Giám đốc, Doanh nghiệp tư nhân VA phải trả cho bà T tổng số tiền nợ do mua hàng chưa thanh toán và nợ lãi đối với số tiền chậm trả tính từ năm 2010 đến tháng 6 năm 2015 tổng cộng là 2.349.254.972đ (*hai tỷ ba trăm bốn mươi chín triệu hai trăm năm mươi bốn ngàn chín trăm bảy mươi hai đồng*). Do điều kiện

Doanh nghiệp tư nhân VA hiện tại làm ăn không hiệu quả nợ nhiều, vợ ông B đang phải điều trị bệnh tại bệnh viện, vì vậy bà T không yêu cầu Tòa án buộc ông B phải trả tiền lãi từ tháng 7 năm 2015 đến thời điểm khởi kiện tại Tòa án. Bà T đã cung cấp Hợp đồng nguyên tắc ngày 15/01/2012 và biên bản đối chiếu công nợ tháng 12 năm 2015 giữa Doanh nghiệp tư nhân Ngọc H và Doanh nghiệp tư nhân VA để chứng minh cho yêu cầu của mình.

Ông Dương Văn B thừa nhận có nợ của bà Hà Thị T (Doanh nghiệp tư nhân Ngọc Hùng) số tiền 2.349.254.972 đ (*Hai tỷ ba trăm bốn mươi chín triệu hai trăm năm mươi bốn ngàn chín trăm bảy mươi hai đồng*) là tiền nợ do thực hiện việc mua bán hàng hóa trong nhiều lần và nhiều năm với bà T. Trong đó: số tiền mua hàng còn nợ là 1.107.538.044đ (*Một tỷ một trăm không bảy triệu năm trăm ba mươi tám ngàn, không trăm bốn mươi bốn đồng*), số tiền lãi của các số tiền trả chậm trong các lần mua hàng là 1.241.716.928đ (*Một tỷ hai trăm bốn mươi một triệu, bảy trăm mười sáu ngàn, chín trăm hai mươi tám đồng*). Ông Dương Văn B thừa nhận nghĩa vụ trả nợ tiền mua hàng chưa thanh toán và số tiền lãi đối với số tiền trả chậm theo các lần mua bán. Ông B đã nộp biên bản trả lời đề ngày 16/12/2016 và bảng tổng hợp công nợ kèm theo.

Bà T và ông B đã thống nhất các khoản tiền lãi đã được hai bên tính đúng theo mức lãi suất các bên đã thỏa thuận và đúng với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả mà hai bên đã ký đối chiếu công nợ với nhau. Bà T và ông B đều thống nhất ông B có trách nhiệm trả cho bà T tổng số tiền 2.349.254.972 đ (*Hai tỷ ba trăm bốn mươi chín triệu hai trăm năm mươi bốn ngàn chín trăm bảy mươi hai đồng*). Quá trình giải quyết các bên đã được Tòa án tiến hành hòa giải thành, trong thời hạn được quyền thay đổi ông B đã nộp văn bản thay đổi sự thỏa thuận đã thống nhất. Ông B không thống nhất được với bà T về phương thức trả nợ, vì ông B có nguyện vọng được phân kỳ trả nợ (*trả làm nhiều lần*) cho bà T nhưng bà T không nhất trí.

## **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Hội đồng xét xử thấy rằng yêu cầu khởi kiện của bà T thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên theo qui định tại khoản 1 Điều 30, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Bà T và ông B có ký hợp đồng nguyên tắc, theo đó các bên đã thực hiện nhiều lần mua bán hàng hóa với nhau. Ông B và bà T đều xác định thống nhất là ông B còn nợ bà T tiền mua hàng chưa thanh toán và tiền lãi của số tiền chậm trả trong các lần mua bán hàng hóa từ năm 2010 đến tháng 6 năm 2015 là 2.349.254.972đ (*Hai tỷ ba trăm bốn mươi chín triệu hai trăm năm mươi bốn ngàn chín trăm bảy mươi hai đồng*); gồm số tiền mua hàng còn nợ là 1.107.538.044đ, số tiền lãi là 1.241.716.928đ. Các bên đã xác định tính toán tiền lãi đúng theo sự thỏa thuận của hai bên theo hợp đồng đã ký kết. Ông B thừa nhận nghĩa vụ trả nợ

đối với bà T. Bà T khởi kiện buộc ông B trả tiền mua hàng theo hợp đồng nguyên tắc và thực tế việc giao dịch mua bán là có căn cứ và hợp pháp. Hợp đồng nguyên tắc ngày 15/01/2012 giữa bà T và ông B về mua bán hàng hóa có nội dung không trái qui định của pháp luật, có hình thức đảm bảo qui định tại Điều 24 Luật thương mại. Yêu cầu của bà T phù hợp về quyền thanh toán tiền hàng và nhận tiền lãi chậm trả giữa hai bên đã nêu tại điều 3 hợp đồng ngày 15/01/2012, biên bản đối chiếu công nợ tháng 12/2015 phù hợp với qui định tại khoản 1, 2 Điều 50; khoản 5 Điều 297 và Điều 306 Luật thương mại. Hội đồng xét xử thấy rằng cần áp dụng các qui định này buộc ông Dương Văn B phải trả cho bà Hà Thị T số tiền 2.349.254.972đ.

Đối với quan điểm của ông B về việc đề nghị bà T phân kỳ hạn trả nợ số tiền trên nhưng bà T không đồng ý. Hội đồng xét xử xét thấy việc thỏa thuận thanh toán tiền mua hàng theo Điều 3 hợp đồng nguyên tắc giữa hai bên đã ký kết có nêu rõ ***“Trong vòng 20 ngày bên B có trách nhiệm chuyển tiền vào tài khoản của bên A để thanh toán. Nếu quá thời hạn bên A không nhận được tiền thanh toán của bên B bên A phải tính số tiền hàng trả chậm trên theo lãi suất cho vay của ngân hàng tại thời điểm đó”*** mà không có thỏa thuận về việc phân kỳ hạn trả tiền hàng cũng như tiền lãi. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy ông B đề nghị bà T phải phân kỳ hạn cho ông B trả số tiền trên là không có căn cứ.

Về án phí, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Hà Thị T; do đó bà T không phải chịu án phí, cần trả lại cho bà Hà Thị T số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 39.492.500đ (*ba mươi chín triệu bốn trăm chín mươi hai ngàn, năm trăm đồng*) theo biên lai số AA/2016/0001227 ngày 02/12/2016 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên.

Căn cứ khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội thì ông Dương Văn B phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch của vụ án là 78.985.100đ (*Bảy mươi tám triệu chín trăm tám mươi lăm ngàn một trăm đồng*). Tuy nhiên, xét thấy bị đơn ông Dương Văn B (Doanh nghiệp tư nhân Việt Anh) hiện tại đang gặp nhiều khó khăn, doanh nghiệp lâm vào tình trạng phá sản; nhà cửa, tài sản của gia đình ông B đã bị kê biên để thi hành án, vợ bị mắc bệnh hiểm nghèo, hai con đang độ tuổi ăn học... Hội đồng xét xử xét thấy cần giảm 1/2 số tiền án phí cho ông Dương Văn B để giảm bớt khó khăn cho cá nhân và doanh nghiệp trong thời điểm hiện nay, vì vậy ông B phải chịu 39.492.550đ (*ba mươi chín triệu bốn trăm chín mươi hai ngàn, năm trăm năm mươi đồng*)

Vì các lẽ trên;

## QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 30, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 24, khoản 1, 2 Điều 50, khoản 5 Điều 297 và Điều 306 Luật thương mại; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội:

- Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Hà Thị T, buộc ông Dương Văn B phải trả cho bà Hà Thị T số tiền **2.349.254.972đ** (*Hai tỷ ba trăm bốn mươi chín triệu hai trăm năm mươi bốn ngàn chín trăm bảy mươi hai đồng*).

Bà Hà Thị T có quyền yêu cầu thi hành án trong thời hiệu yêu cầu thi hành án qui định tại khoản 1 Điều 7 và Điều 30 Luật thi hành án dân sự. Ông Dương Văn B phải có nghĩa vụ thi hành án theo quy định tại Điều 7a Luật thi hành án dân sự.

- Ông Dương Văn B phải chịu **39.492.550đ** (*ba mươi chín triệu bốn trăm chín mươi hai ngàn, năm trăm năm mươi đồng*) án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

- Trả lại cho bà Hà Thị T số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 39.492.500đ (*ba mươi chín triệu bốn trăm chín mươi hai ngàn, năm trăm đồng*) tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên.

Áp dụng Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./.

**Nơi nhận:**

- Tòa án tỉnh Điện Biên;
- Các đương sự;
- VKS TP Điện Biên Phủ;
- Chi cục THADS TPĐBP;
- Lưu VT, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**  
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Phan Văn Khanh**